

Bản án số: 22/2026/DSST
Ngày: 09/4/2026
“ V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-LÂM ĐỒNG**

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh
Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đồi
Bà Phạm Thị Bích Lệ
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Thành, Thư ký Tòa án khu vực 13-Lâm Đồng
- **Đại diện Viện kiểm sát khu vực 13-Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thu Vân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/4/2026, tại trụ sở Tòa án khu vực A-Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2025/TLST-DS ngày 27/11/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐST-DS ngày 04/3/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2026/QĐST-DS, ngày 23/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13-Lâm Đồng giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thúy L, sinh năm 1967
Ông Thân Trọng H, sinh năm 1965
Cùng địa chỉ: Số I, thôn H, xã B, tỉnh Lâm Đồng
Ông Thân Trọng H ủy quyền cho bà Đỗ Thị Thúy L, sinh năm 1967
Địa chỉ: Số I, thôn H, xã B, tỉnh Lâm Đồng
Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1988
Bà Lê Thị T1, sinh năm 1988
Cùng địa chỉ: Số A, thôn B, xã S, tỉnh Lâm Đồng
Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 10/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy L trình bày:

Bà với vợ chồng ông T bà T1 là chị em với nhau, do đó khi thấy em mình có nhu cầu cần tiền để làm ăn. Nên vào ngày 27 tháng 09 năm 2021, vợ chồng ông Đỗ Văn T và bà Lê Thị T1 có nhờ vợ chồng bà giúp đỡ. Vì tình thân, vợ chồng bà đã huy động tiền từ người thân và thế chấp tài sản của mình để giúp đỡ khi các em cần vốn kinh doanh. Khi đó, giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông T có thỏa thuận vay tiền (bằng tay) với các lần vay cụ thể như sau:

Vào ngày 27/09/2021, cho vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng)

- Ngày 20/03/2022, cho vay thêm số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Tổng cộng hai lần vay là 800.000.000 đồng (T2 trăm triệu đồng).

Đến thời điểm tháng 10/2025, vợ chồng ông T đã trả được 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc, còn nợ: Tiền gốc: $800.000.000 - 50.000.000 = 750.000.000$ đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Vợ chồng bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T thanh toán lại số tiền trên, nhưng vợ chồng ông T hứa hẹn rất nhiều lần mà không chịu thanh toán.

Nay vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng giải quyết buộc vợ chồng ông Đỗ Văn T và bà Lê Thị T1 thanh toán cho vợ chồng bà số tiền gốc còn nợ là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Đỗ Văn T có bản khai ngày 22/12/2025 gửi Tòa án: Ông là em ruột của bà Đỗ Thị Thúy L, ông có cần vốn kinh doanh làm ăn nên có mượn tiền chị gái Đỗ Thị Thúy L để kinh doanh vốn cầm xe bán xe có mượn 02 lần số tiền 800.000.000 đồng, có trả bớt 50.000.000 đồng còn lại 750.000.000 đồng, ngày mượn 27/9/2021 và ngày 20/3/2022.

Trong quá trình làm ăn bị thua lỗ thất bại gặp khó khăn nên chưa trả được tiền theo yêu cầu của bà L nay bà L yêu cầu ông trả số tiền 750.000.000 đồng nêu trên thì vợ chồng ông đồng ý, số tiền mượn có lãi suất 3%/ năm lãi suất cao.

Ông T vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn thường xuyên vắng mặt không rõ lý do, không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án đã vi phạm Điều 70 BLTTDS năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 463, Điều 466 BLDS năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật HNGĐ 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc vợ chồng ông Đỗ Văn T và bà Lê Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Đỗ Thị Thúy L, ông Thân Trọng H số tiền 750.000.000 đồng.

- Về án phí: ông Đỗ Văn T và bà Lê Thị T1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thúy L ông Thân Trọng H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn ông Đỗ Văn T bà Lê Thị T1 cùng có địa chỉ: số A, thôn B, xã S, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Lâm Đồng theo quy định tại Điều 1, Điều 3 của Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn ông Thân Trọng H vắng mặt đã có đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện thì giữa bà Đỗ Thị Thúy L và vợ chồng ông Đỗ Văn T bà Lê Thị T1 có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng giấy tay nên xác định đây là việc kiện “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” quan hệ trên được pháp luật dân sự điều chỉnh quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn có quan hệ chị em nên vợ chồng nguyên đơn đã cho vợ chồng bị đơn vay tiền hai lần vào ngày 27/9/2021 vay 500.000.000 đồng và ngày 20/3/2022 vay 300.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 800.000.000 đồng, được thể hiện bằng các “giấy mượn tiền” có chữ ký của bên vay là ông T và bà T1. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ, ông T, bà T1 đã trả được 50.000.000 đồng, hiện còn nợ 750.000.000 đồng. Do ông T, bà T1 không tiếp tục thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ, đồng thời không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay.

Bị đơn ông Đỗ Văn T thừa nhận có vay của vợ chồng nguyên đơn số tiền 800.000.000 đồng, đã trả 50.000.000 đồng, hiện còn nợ 750.000.000 đồng, đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán ngay.

Việc vay tiền giữa các bên được xác lập thông qua giấy mượn tiền ngày 27/9/2021 và ngày 20/3/2022, có chữ ký của bên vay là ông T và bà T1, nội dung thể hiện rõ số tiền vay và quan hệ vay mượn giữa các bên. Bị đơn cũng thừa nhận toàn bộ việc vay tiền như nguyên đơn trình bày. Như vậy các bên đều thống nhất xác định tổng số tiền vay là 800.000.000 đồng, bị đơn đã trả 50.000.000 đồng, hiện còn nợ 750.000.000 đồng. Do đó đây là tình tiết có thật và không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Việc bị đơn trình bày trong bản tự khai lãi suất 3%/ năm là cao nhưng bị đơn không có căn cứ thể hiện việc bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn và không có yêu cầu điều chỉnh lãi suất.

Từ những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T và bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L ông H số tiền là 750.000.000 đồng.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 463, Điều 466 BLDS năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật HNGĐ 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

Vợ chồng ông Đỗ Văn T bà Lê Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị Thúy L ông Thân Trọng H số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Thúy L số tiền 9.375.000 đồng tạm ứng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009444 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông Đỗ Văn T bà Lê Thị T1 phải nộp 34.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận được bản án hay được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS ND (tỉnh + khu vực 13);
- Các đương sự;
- THA tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu HS.

Thanh Nữ Kiều Oanh